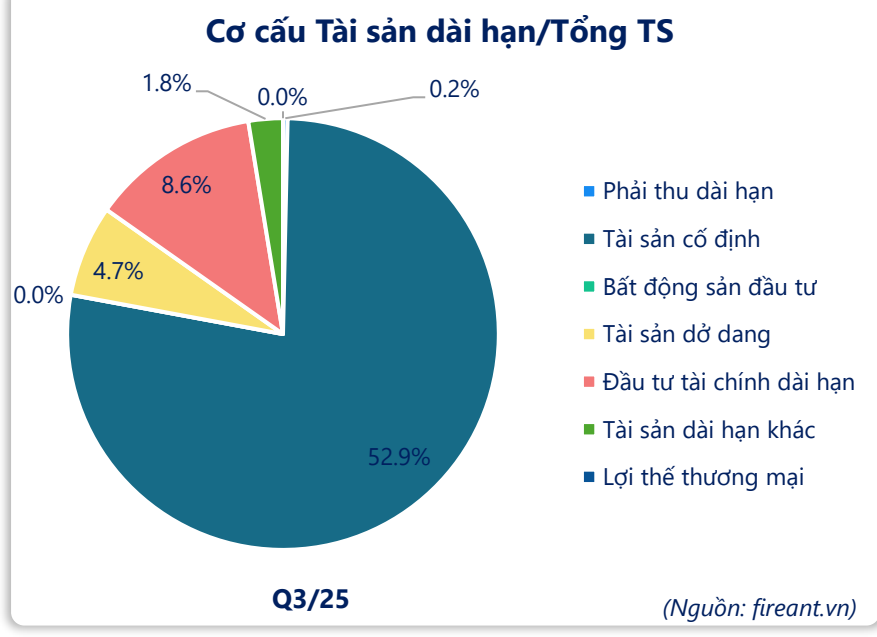
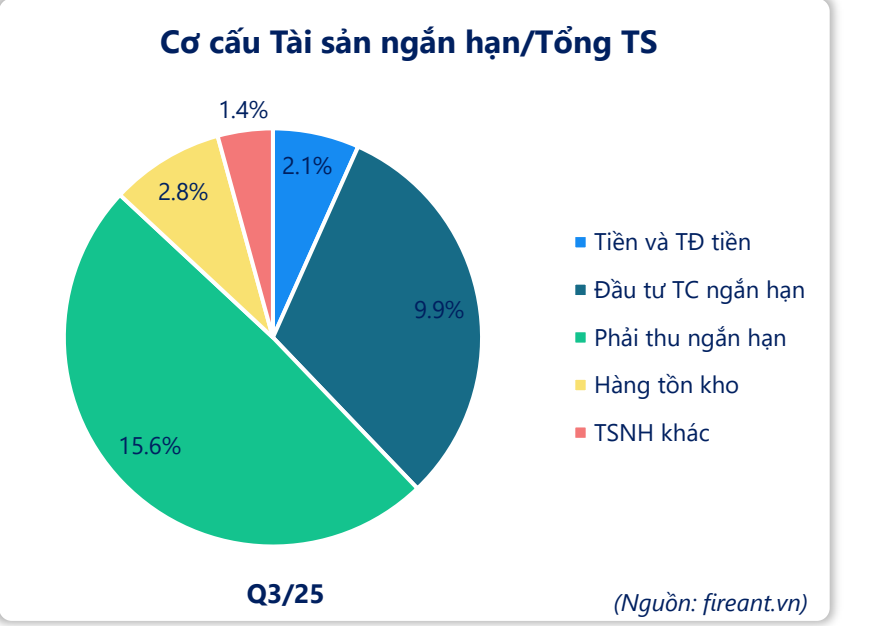
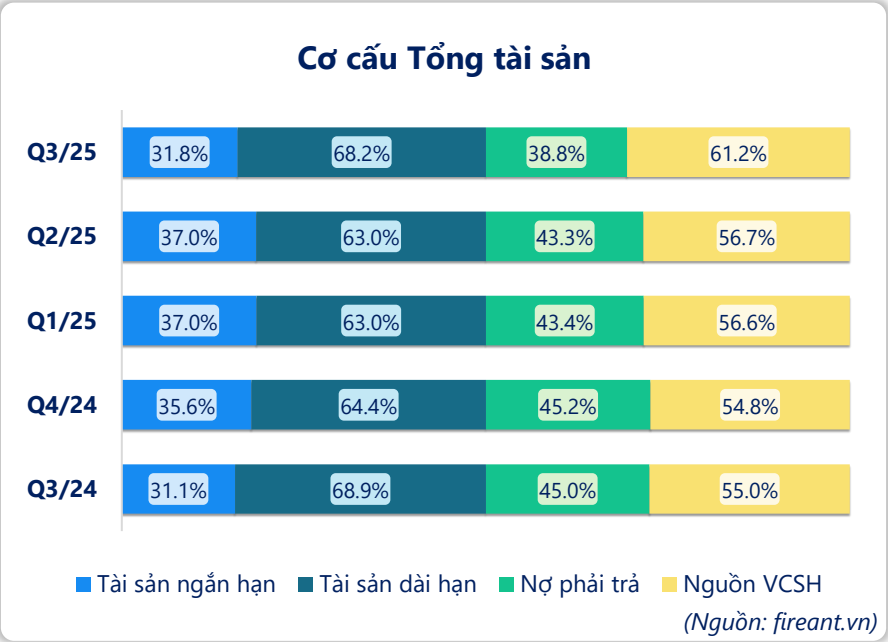
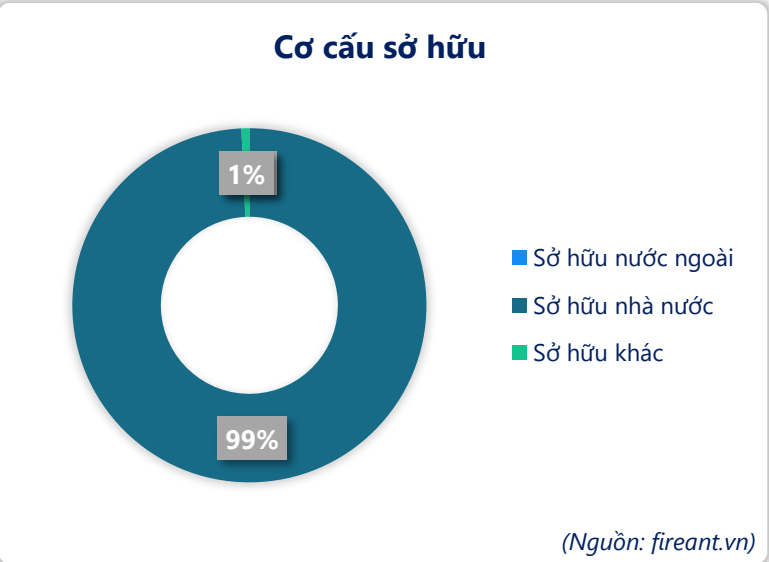
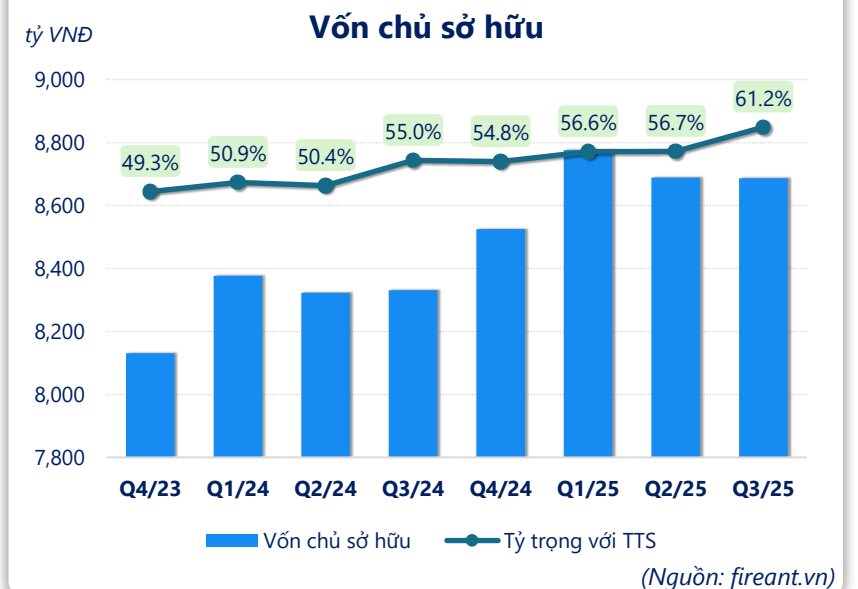
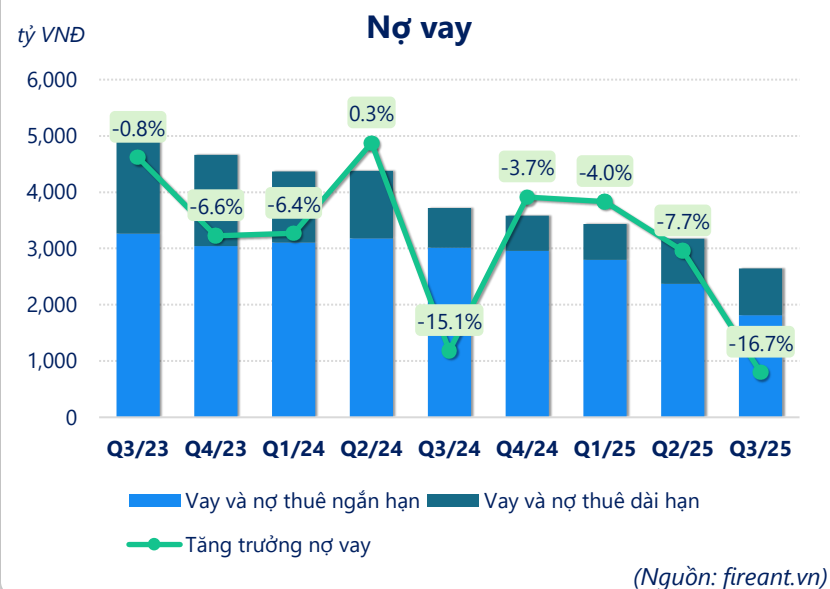
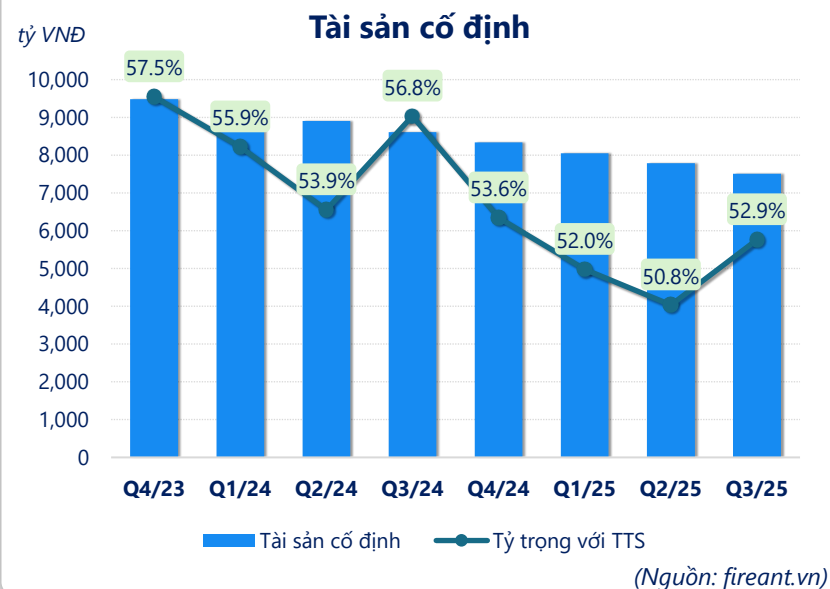
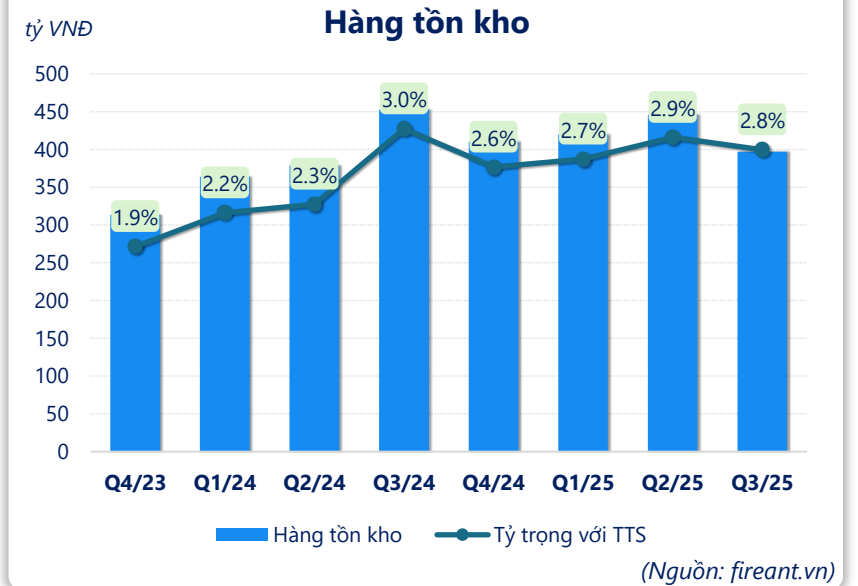
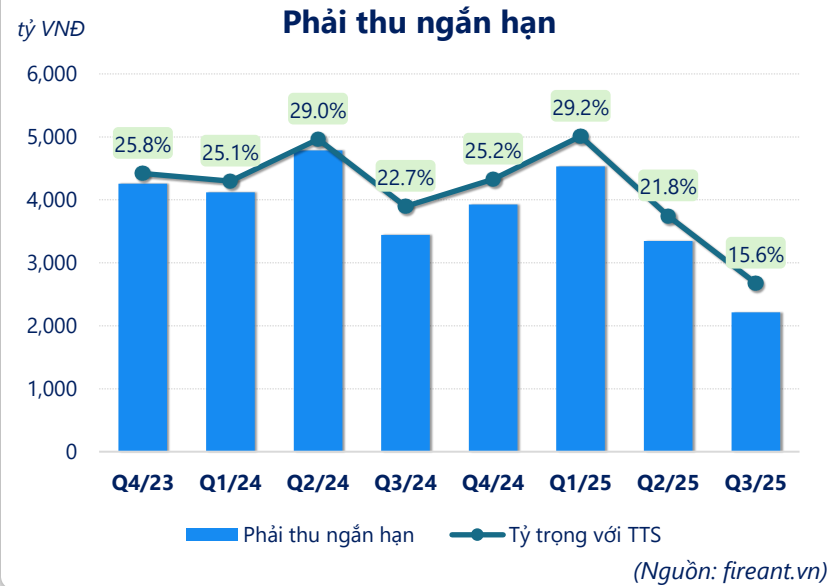
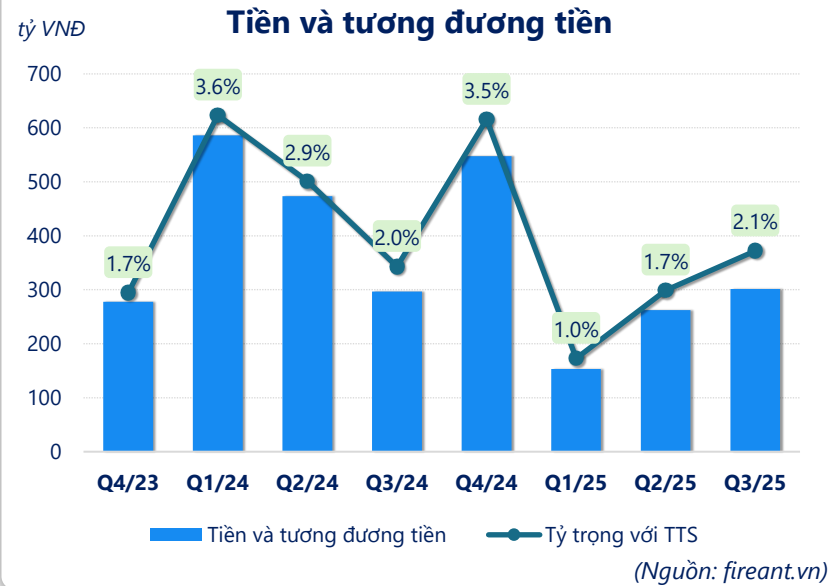
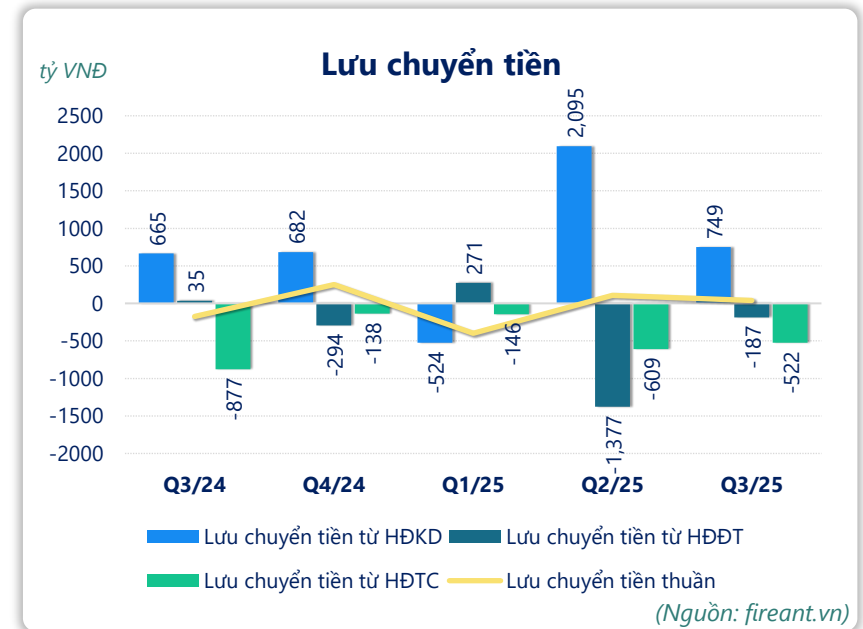
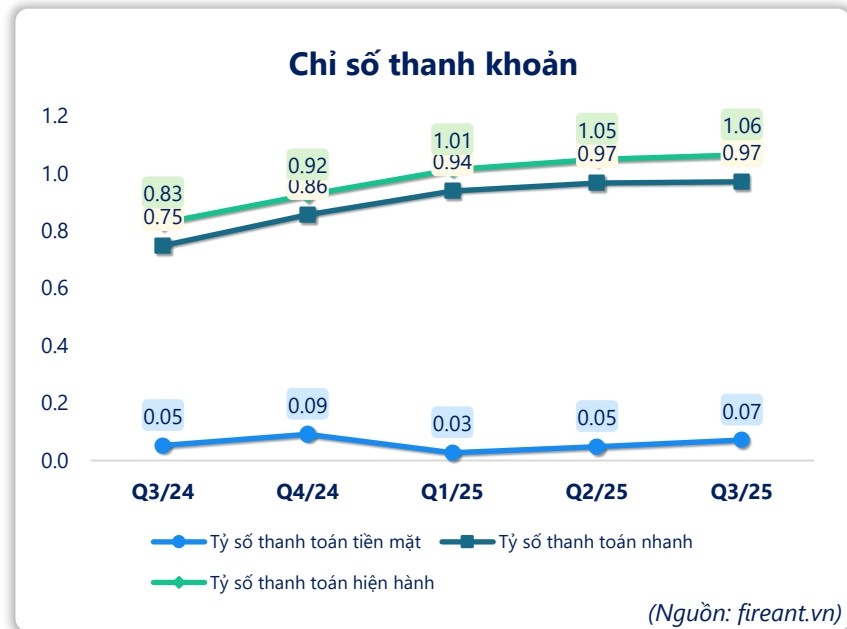
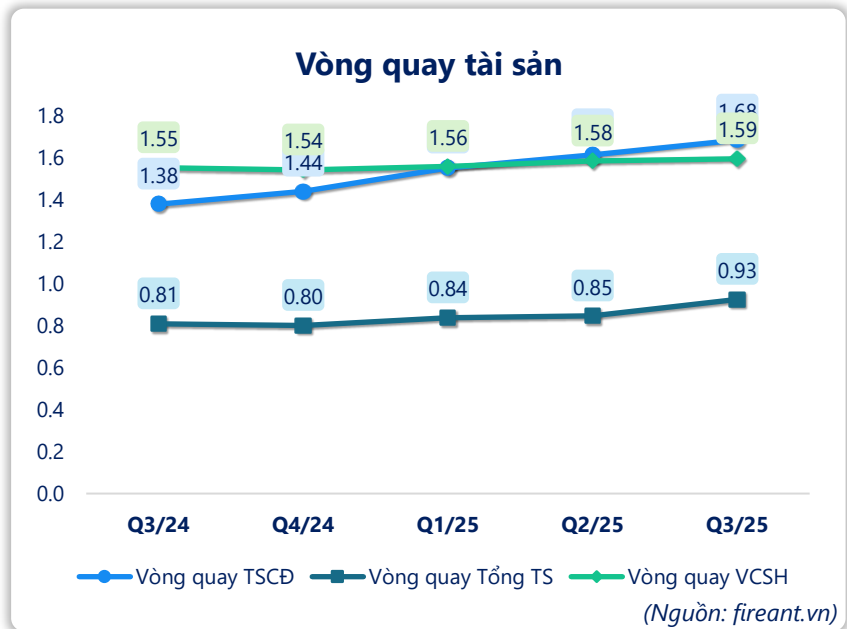
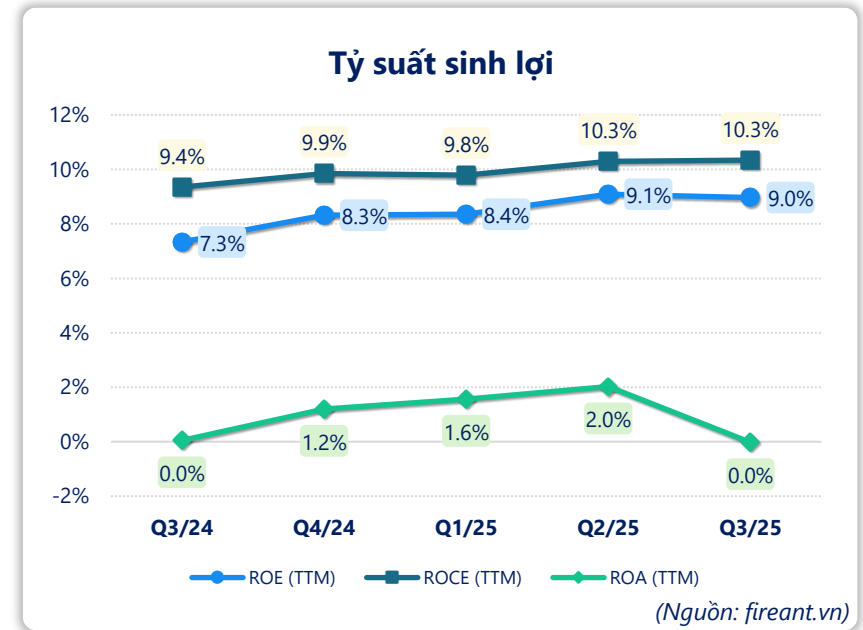
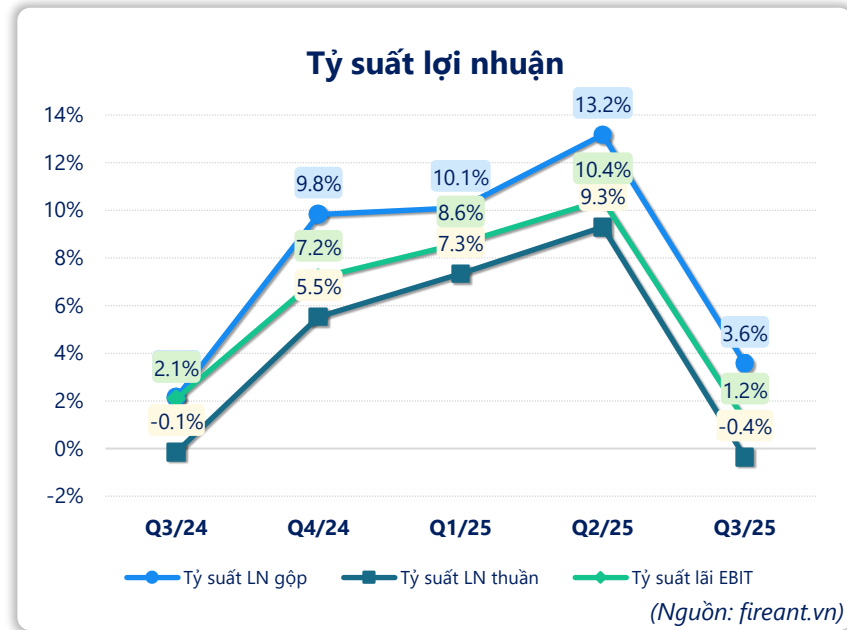
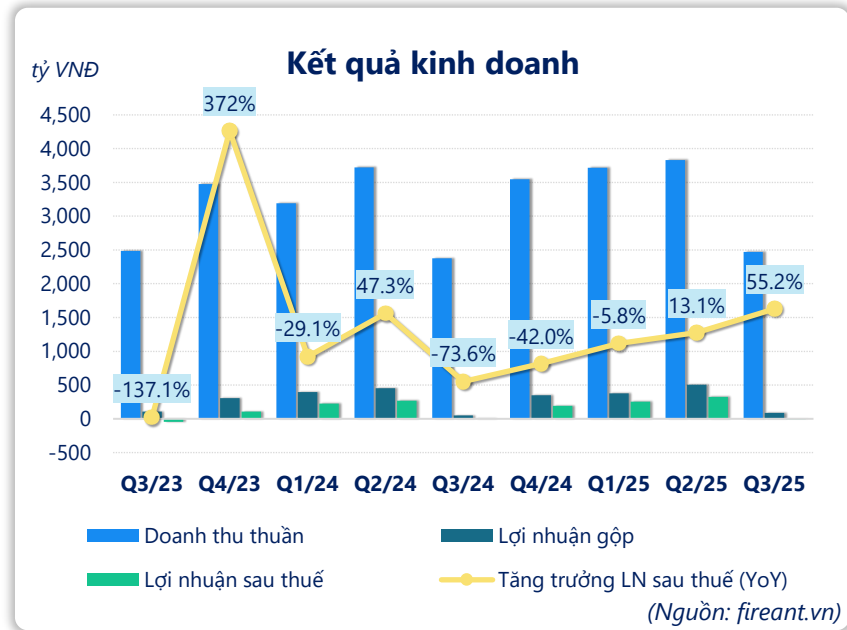


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,746
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,862
SL cổ phiếu LH		682,767,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,410
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		8,398
P/E		11.0
EPS		1,117

	YTD	1T	3T	6T
DTK	-1.6%	0.0%	0.0%	-5.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	14,196	15,531	-8.6%
Tài sản ngắn hạn	4,513	5,527	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	302	552	-45.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,406	400	252%
Phải thu ngắn hạn	2,215	3,910	-43.3%
Hàng tồn kho	397	410	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	192	256	-24.7%
Tài sản dài hạn	9,683	10,004	-3.2%
Phải thu dài hạn	33.3	32.1	3.9%
Tài sản cố định	7,511	8,327	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	664	172	286%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,225	1,225	0.0%
Tài sản dài hạn khác	249	248	0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,510	7,007	-21.4%
Nợ ngắn hạn	4,242	5,973	-29.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,814	2,962	-38.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,867	2,716	-31.3%
Nợ dài hạn	1,268	1,034	22.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	830	620	33.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,686	8,524	1.9%
Vốn chủ sở hữu	8,686	8,524	1.9%
Vốn điều lệ	6,828	6,828	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,376	3,548	3,719	3,832	2,472
Giá vốn hàng bán	2,325	3,199	3,343	3,327	2,384
Lợi nhuận gộp	50.7	348	376	505	87.9
Doanh thu HĐTC	52.4	53.2	50.4	55.7	30.9
Chi phí TC	14.9	91.7	54.5	60.5	40.0
Chi phí lãi vay	50.9	46.3	46.0	43.9	36.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-0.17	0.25	0.04	0.02	0.02
Chi phí QLDN	91.8	114	98.6	144	88.0
LN thuần từ HĐKD	-3.37	196	273	356	-9.13
Lợi nhuận khác	2.04	12.2	1.18	-0.65	2.06
LN trước thuế	-1.32	208	274	356	-7.07
Lợi nhuận sau thuế	7.91	191	252	323	-2.93
LNST của CĐ cty mẹ	7.15	193	251	323	-3.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	665	682	-524	2,095	749
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.2	-294	271	-1,377	-187
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-877	-138	-146	-609	-522
Tiền đầu kỳ	473	297	552	153	262
Lưu chuyển tiền thuần	-177	250	-398	109	39.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	297	547	153	262	302

(Nguồn: fireant.vn)